

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2014/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 27/5/2009
của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất ở cho
người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công số 26/2005/UBTVQH11 ngày 29/6/2005;
Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội
về việc sửa đổi Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính
phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/TTg ngày
27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải
thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ
tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước Cách mạng
tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 523/TT-STC ngày 21/3/2014; Công
văn số 118/STP-XDVB ngày 20/3/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 27/5/2009 của
UBND tỉnh Thái Nguyên quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất ở cho người có công
với cách mạng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND
như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này chưa có chỗ ở và chưa được miễn, giảm tiền sử dụng đất của chính sách người có công với cách mạng.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 1, Điều 2 Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND như sau:

b) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh ưu đãi người có công; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B; bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thân nhân của liệt sỹ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở khi giao đất ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ, công nhận đất ở phải nộp tiền sử dụng, mức miễn tối đa không quá 300 triệu đồng.

Trường hợp đối tượng được miễn tiền sử dụng đất quy định tại điểm b khoản này mà được giao ô đất có giá trị lớn hơn 300 triệu đồng, thì đối tượng này phải nộp toàn bộ giá trị chênh lệch lớn hơn 300 triệu đồng; trường hợp giao đất ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 300 triệu đồng thì mức miễn tiền sử dụng đất theo giá trị thực tế ô (thửa) đất được giao hoặc chuyển mục đích.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 2 như sau:

a) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80% được giảm 90% tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở khi giao đất ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP, mức giảm tối đa không quá 270 triệu đồng.

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60%; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả

năng lao động từ 41% đến 60% được giảm 80% tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở khi giao đất ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP, mức giảm tối đa không quá 240 triệu đồng.

c) Thân nhân của liệt sĩ quy định tại khoản 1, Điều 14 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước", người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước" được giảm 70% tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở khi giao đất ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP, mức giảm tối đa không quá 210 triệu đồng.

d) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng Huân chương Kháng chiến hạng nhất hoặc Huân chương Chiến thắng hạng nhất được giảm 60% tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở khi giao đất ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP nhưng mức giảm tối đa không quá 180 triệu đồng.

Trường hợp đối tượng được giảm tiền sử dụng đất quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này mà được giao đất ở, chuyển mục đích từ đất khác sang đất ở, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP có giá trị lớn hơn 300 triệu đồng thì các đối tượng này phải nộp toàn bộ giá trị lớn hơn 300 triệu đồng; trường hợp được giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 300 triệu đồng thì căn cứ vào tỷ lệ giảm tại các điểm a, b, c, d của khoản này để xác định mức giảm cụ thể.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh; Chủ

tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan đơn vị, đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nhữ Văn Tâm